



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1
LILAMA 18.1 JSC

OFFICE : 204-206 VU TONG PHAN Str. – AN PHU Ward – Dist. 2 – HCM City

Tel : 84-28-62843555 - Fax : 84-28-62843777

E-mail: info@lilama18-1.com.vn - Website: www.lilama18-1.com.vn



QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1

(Kèm theo Quyết định số: 06/2020/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 18.1)

THÁNG 11 NĂM 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1
LILAMA 18.1 JSC

OFFICE : 204-206 VU TONG PHAN Str. – AN PHU Ward – Dist. 2 – HCM City
Tel : 84-28-62843555 - Fax : 84-28-62843777
E-mail: info@lilama18-1.com.vn - Website: www.lilama18-1.com.vn



QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1

(Kèm theo Quyết định số: 06/2020/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 18.1)

THÁNG 11 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 06./2020/QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Lilama 18.1

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2015
- Căn cứ luật kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành ngày 1/1/2017
- Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 18.1;
- Nghị quyết số: 18/2020/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 30/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần Lilama 18.1.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2020. Thay thế cho quyết định số 12/2018/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 18.1 đã ban hành.

Điều 3: Ban Giám đốc Công ty, các Ông Trưởng phòng, ban chức năng, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Lilama 18.1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT công ty;
- Ban kiểm soát công ty;
- CĐ công ty;
- Lưu: HĐQT, P.TC-HC công ty



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGUYỄN DUY LỢI



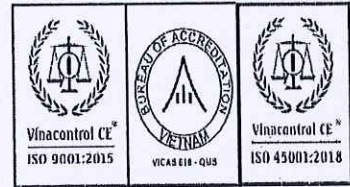
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1

LILAMA 18.1 JSC

OFFICE : 204-206 VU TONG PHAN Str. – AN PHU Ward – Dist. 2 – HCM City

Tel : 84-28-62843555 - Fax : 84-28-62843777

E-mail: info@lilama18-1.com.vn. - Website: www.lilama18-1.com.vn



QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1

(Ban hành theo Quyết định số: 06./2020/QĐ-HĐQT

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lilama 18.1)

CHƯƠNG I – NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Căn cứ pháp lý, tư cách pháp nhân của Công ty

Căn cứ luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2015

Căn cứ luật kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành ngày 1/1/2017

Căn cứ luật thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn khác

Công ty Cổ phần Lilama 18.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế độc lập. Công ty được các cổ đông đầu tư vốn (Công ty cổ phần LILAMA 18 sở hữu 40.96% vốn điều lệ, cán bộ công nhân viên và các cổ đông khác giữ 59.04%), có trách nhiệm sử dụng hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được giao. Công ty có các quyền và nghĩa vụ dân sự, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh trong phạm vi số vốn tự có của Công ty.

Điều 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty có các phòng ban chuyên môn, các đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm: các đội công trình trực thuộc được hạch toán tập trung tại phòng Tài chính - Kế toán công ty. Bộ máy kế toán công ty được tổ chức đến các đơn vị trực thuộc. Các đơn vị trực thuộc được công ty khoán gọn chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm mở sổ sách theo dõi các chi tiêu của mình trong phạm vi khoán gọn, kế toán (trường hợp đơn vị có kế toán) hoặc phụ trách (trường hợp đơn vị không có kế toán) của các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thống kê cập nhật, phân loại chứng từ chi tiêu của đơn vị mình theo từng hợp đồng khoán gọn và các khoản mục chi phí được giao khoán theo quy định của công ty.

Điều 3: Cơ quan giám sát tài chính của Công ty

Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của Đại hội đồng cổ đông và cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị trực thuộc chịu sự kiểm tra, giám sát của công ty về các mặt hoạt động và các khoản chi tiêu tài chính. Đội trưởng (phụ trách các đơn vị trực thuộc) phải chịu trách nhiệm về những khoản chi tiêu của đơn vị mình, trước công ty và trước Pháp luật.

CHƯƠNG II- QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ HẠCH TOÁN KINH DOANH

MỤC 1: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN – QUỸ

Điều 4: Vốn, tài sản của Công ty

1. Vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ do các cổ đông đầu tư, vốn vay, các quỹ và các khoản vốn hợp pháp khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Công ty bao gồm: Tài sản dài hạn (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản dài hạn khác); tài sản ngắn hạn (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn khác) mà Công ty có quyền định đoạt theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện quản lý vốn các cổ đông là Hội đồng quản trị và công ty được điều hành bởi Giám đốc.

4. Tổng vốn, các nguồn vốn và bất kể sự tăng giảm nào của Công ty được phản ánh trong bảng cân đối kế toán của công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 5 : Huy động vốn

1. Ngoài số vốn được các cổ đông đầu tư, công ty được huy động vốn dưới các hình thức: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay vốn của các tổ chức tín dụng, của cá nhân; tổ chức ngoài công ty; huy động vốn của người lao động trong công ty; nhận vốn liên doanh liên kết và các hình thức huy động vốn khác theo qui định của pháp luật. Việc huy động vốn được thực hiện theo điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Phân cấp phê duyệt hợp đồng vay vốn:

- Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng vay vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất và giao cho Giám đốc tổ chức ký kết, thực hiện.

- Các hợp đồng vay vốn có mức thấp hơn do Giám đốc Công ty quyết định.

3. Lãi suất huy động vốn được thực hiện theo lãi suất thị trường của Ngân hàng thương mại tại thời điểm vay vốn. Riêng trường hợp vay vốn của cá nhân, tổ chức kinh tế lãi suất cho vay tối đa là mức lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng thương mại tại thời điểm vay vốn. Việc hạch toán lãi vay huy động vốn theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 “chi phí đi vay”.

4. Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động.

Điều 6 : Theo dõi vốn, sử dụng vốn - quỹ

Công ty có trách nhiệm mở sổ, ghi sổ kế toán, theo dõi toàn bộ tài sản, vốn và quỹ, tình hình biến động của tài sản, vốn, quỹ theo đúng chế độ kế toán, thống kê hiện hành.

Phản ánh trung thực, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của tài sản, vốn và quỹ trong quá trình kinh doanh của Công ty.

Công ty có quyền chủ động sử dụng vốn và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan đến công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

Việc sử dụng vốn để đầu tư xây dựng phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

Công ty được sử dụng lợi nhuận còn lại sau thuế để trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ dự phòng bảo hành sản phẩm công trình xây lắp, quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi, chia cổ tức cho các cổ đông... theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7 : Quản lý các khoản nợ phải trả

Đối với các khoản nợ phải trả, công ty có trách nhiệm:

1. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả;

2. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của công ty theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;

3. Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ công ty phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ phải trả trong năm đó.

Điều 8 : Bảo toàn vốn

Công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn bằng các biện pháp sau đây:

1. Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước;

2. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

3. Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định tại Điều 16 quy chế này và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- a) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- b) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- c) Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chính;
- d) Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hoá công trình xây lắp;
- e) Các biện pháp bảo toàn vốn khác theo quy định của pháp luật (Trích trước tiền lương, Trích lập quỹ dự phòng tiền lương...).

Căn cứ để trích, mức trích, việc sử dụng các khoản dự phòng và phương pháp xác định mức độ bảo toàn vốn được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính .

Điều 9: Đầu tư vốn ra bên ngoài

1. Công ty được quyền sử dụng vốn và tài sản của mình để đầu tư ra ngoài Công ty bằng các hình thức như mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh... Nếu việc đầu tư ra ngoài công ty có liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật, của công ty và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài công ty:

a) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty liên kết; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới.

b) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh.

c) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.

d) Mua lại một công ty khác

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Công ty không được phép đầu tư vào các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của Ban giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty đang trong nhiệm kỳ .

4. Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của công ty được công bố tại quý gần nhất. Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị dưới mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty theo đề nghị của Giám đốc. Hội

đồng quản trị có thể phân cấp/ủy quyền cho Giám đốc quyết định các dự án thuộc quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của người trực tiếp quản lý phần vốn đầu tư ra ngoài Công ty: chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Đại hội đồng cổ đông về bảo toàn vốn có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, hàng quý báo cáo về tình hình và hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận được phân phối, các vấn đề về tăng, giảm vốn. Thực hiện quyền hạn nhiệm vụ theo hợp đồng, điều lệ của công ty.

MỤC 2: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 10 : Tài sản cố định - Đầu tư tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình.

Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất.

b) Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định từ 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) tới dưới mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định ở mức còn lại.

Hội đồng quản trị có thể phân cấp/ủy quyền cho Giám đốc công ty quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư, mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định.

Điều 11: Khấu hao tài sản cố định.

Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng. Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân, tập thể để xử lý bồi thường. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường, chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Giám đốc quyết định mức trích khấu hao cụ thể cho từng tài sản, theo khung qui định của Bộ Tài chính.



Công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành, đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán, căn cứ số liệu kế toán, Công ty ghi tăng giá trị tài sản theo giá tạm tính để trích khấu hao thu hồi vốn. Sau khi quyết toán công trình được duyệt nếu có chênh lệch thì điều chỉnh lại.

Toàn bộ giá trị khấu hao tài sản cố định đã trích Công ty có quyền sử dụng để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định hoặc sử dụng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 12: Cho thuê, thế chấp; nhượng bán, thanh lý tài sản và các khoản đầu tư tài chính

1. Cho thuê, thế chấp tài sản

Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

Đối với mỗi giao dịch: Đại hội đồng cổ đông quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất. Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp tài sản có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản đến dưới mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các giao dịch có mức thấp hơn do Giám đốc Công ty quyết định.

Công ty được quyền đem tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty để cầm cố, thế chấp vay vốn hoặc bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng theo đúng trình tự quy định của pháp luật và quy định trong điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của Nhà nước.

2. Nhượng bán, thanh lý tài sản và các khoản đầu tư tài chính

a) Giám đốc Công ty được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.

Việc thanh lý, nhượng bán tài sản gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thanh lý tài sản bằng hình thức tháo dỡ, hủy bỏ, Giám đốc Công ty thành lập Hội đồng thanh lý thực hiện.

Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán tài sản hạch toán vào thu nhập khác, giá trị còn lại theo sổ kế toán, chi phí thanh lý, nhượng bán hạch toán vào chi phí khác.

Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn được quy định như sau:

Đại hội đồng cổ đông quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của công ty được công bố tại quý gần nhất. Hội đồng quản trị quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản đến dưới mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hoặc phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các trường hợp thấp hơn do Giám đốc quyết định.

Khi nhượng bán, thanh lý tài sản phải công khai, minh bạch đúng quy định của Nhà nước và các quy định của Công ty.

b) Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính: Việc nhượng bán các khoản đầu tư tài chính thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Trong đó:

- Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán thì công ty được chủ động thực hiện theo các phương thức khớp lệnh, đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán;

- Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính tại công ty chưa niêm yết thì có thể áp dụng theo phương thức: đấu giá công khai hoặc thỏa thuận nhưng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán.

Thẩm quyền quyết định việc nhượng bán các khoản đầu tư tài chính: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty quyết định việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình theo quy định của Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Quản lý hàng tồn kho

1. Hàng tồn kho là hàng hoá mua về để bán còn tồn kho; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường; sản phẩm dở dang; thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Công ty có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Điều 12.2, song phải xử lý tồn thất theo Điều 16 của quy chế này.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 14: Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ;

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ;

3. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận.

4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ không có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi, công ty có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu, thì hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập khác của công ty.

Hội đồng quản trị và Giám đốc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được.

Định kỳ (quý, năm) phải đối chiếu, tổng hợp, phân tích tình hình công nợ phải thu, đặc biệt là các khoản nợ đến hạn, quá hạn và các khoản nợ khó đòi. Các khoản nợ không thu hồi được phải lập Hội đồng xử lý, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất với Hội đồng quản trị về biện pháp xử lý.

Điều 15: Kiểm kê tài sản

Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính năm. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Điều 16: Xử lý tổn thất tài sản.

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường theo quy định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
4. Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng quản trị lập phương án xử lý tổn thất trình Đại hội đồng cổ đông và cơ quan tài chính có thẩm quyền (nếu có). Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.
5. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

Điều 17 : Đánh giá tài sản

Công ty được đánh giá lại tài sản và hạch toán tăng giảm vốn trong các trường hợp sau:

1. Kiểm kê đánh giá lại theo quyết định của cơ quan Nhà nước, của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.
2. Dùng tài sản để góp vốn liên doanh, góp vốn cổ phần (tài sản khi đem đi góp vốn và khi nhận về).

Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

MỤC 3: QUẢN LÝ DOANH THU - CHI PHÍ - GIÁ THÀNH

Điều 18 : Doanh thu của Công ty

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác.

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính:

a) Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của công ty (tức là giá trị quyết toán A và B được phê duyệt).

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản thu phát sinh từ bán bản quyền; cho thuê các tài sản; tiền lãi cho vay vốn, lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính.

- Lãi bán ngoại tệ; chênh lệch tỷ giá; lãi chuyển nhượng vốn; cổ tức và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vốn ra ngoài công ty; thu nhập về kinh doanh chứng khoán (công trái, trái phiếu, cổ phiếu).

2. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản; các khoản phải trả nhưng không phải thanh toán; tiền bảo hiểm được bồi thường; tiền nộp phạt của khách hàng vi phạm hợp đồng; thuế được hoàn lại; tiền thưởng của khách hàng; giá trị quà nhận biếu, quà tặng; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu; khoản nợ khó đòi đã xử lý nay thu hồi được; các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Điều kiện và thời điểm xác định doanh thu được thực hiện theo qui định tại chuẩn mực kế toán “doanh thu và thu nhập khác”.

Tất cả mọi nguồn thu, được tập trung vào tài khoản tiền gửi của công ty, trong một số trường hợp đặc biệt được Giám đốc ủy quyền trực tiếp cho các đơn vị trực thuộc thu tiền khối lượng của chủ đầu tư, phục vụ thi công tại công trình thì phải báo cáo thường xuyên cho phòng Kinh tế - Kỹ thuật công ty về việc thực hiện ủy quyền thu hồi vốn và làm thủ tục kịp thời với phòng Tài chính - Kế toán công ty về các khoản đã thu.

Điều 19: Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, được chia thành 02 nhóm, bao gồm:

1. Chi phí trực tiếp bao gồm:

a) Chi phí khoán gọn cho các đơn vị trực thuộc và các khoản dự trừ chi phí do công ty ủy quyền cho đơn vị trực thuộc thực hiện.

b) Chi phí giao thầu lại gồm:

- + Các đơn vị nhận thầu xây lắp, gia công chế tạo, sơn thiết bị...
- + Các nhà cung cấp vật tư, dụng cụ...
- + Các nhà cung cấp dịch vụ vận tải, cầu chuyên, phương tiện thi công,...
- + Các nhà cung cấp dịch vụ khác (đào tạo thợ, cấp chứng chỉ thợ, sửa chữa xe máy,..)

c) Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ sản xuất.

d) Các chi phí khác BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN... trích trên tiền lương trực tiếp, tiền ăn ca, thưởng vượt tiến độ dự án, sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư và một số chi phí khác.

e) Chi phí lãi vay vốn phải trả.

f) Các khoản chi phí trực tiếp khác theo quy định của nhà nước.

2. Chi phí gián tiếp (quản lý) bao gồm:

a) Tiền lương bộ máy quản lý công ty, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN... trích theo tiền lương bộ máy quản lý.

b) Khấu hao tài sản cố định, dụng cụ, vật tư cho bộ máy quản lý, chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản.

c) Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài, tiền thuê đất, thuê văn phòng, phí và lệ phí . . .

d) Tiền điện nước, hội nghị tiếp khách công tác phí, quảng cáo, hoa hồng môi giới và các khoản chi phí khác phục vụ cho việc quản lý bộ máy của công ty.

e) Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động.

f) Lương tháng 13 (tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm).

g) Thưởng cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, biết linh động, sáng tạo giải quyết làm tăng hiệu quả công việc, có thành tích lao động, quản lý xuất sắc.

h) Thưởng Ban Giám Đốc, Hội Đồng Quản Trị có thành tích quản lý xuất sắc, vượt kế hoạch đề ra.

Khoản tiền lương, thưởng cuối năm do Hội Đồng Quản Trị xem xét và quyết định dựa trên kết quả kinh doanh và năng lực, hiệu quả làm việc của CBCNV.

i) Các khoản chi phí gián tiếp khác theo quy định của nhà nước.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:



a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản ;

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng;

c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;

d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật.

Điều 20: Quản lý chi phí

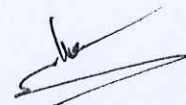
A - Để quản lý các loại chi phí, cần phải thực hiện tốt chế độ quản lý một số chi phí chính như sau:

1. Phải áp dụng định mức tiêu hao vật tư, nhân công, nhiên liệu xe máy cho từng loại công việc, theo hệ thống định mức Kinh tế - Kỹ thuật nội bộ, do phòng Kinh tế - Kỹ thuật, và các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ của công ty lập. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại theo điều 16 trên đây.

2. Hợp đồng khoán gọn (HĐKG) giao cho các đơn vị trực thuộc phải dựa trên định mức Kinh tế - Kỹ thuật của công ty, giao cho phòng Kinh tế - Kỹ thuật công ty và các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi công lập. HĐKG là cơ sở ban đầu cho đơn vị nhận khoán và các phòng ban liên quan thực hiện, còn chi phí HĐKG được hạch toán vào giá thành sản xuất của Công ty là căn cứ vào bảng quyết toán HĐKG của phòng Kinh tế - Kỹ thuật công ty và chứng từ chi phí hợp lý, hợp lệ của đơn vị hoàn ứng. Khoản chi phí HĐKG và tiền hợp đồng khoán gọn công ty phải thanh toán không vượt quá giá trị quyết toán HĐKG.

3. Khi tiến hành ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ, phải thực hiện theo đúng trình tự chọn giá công khai, đúng quy định, phải trên nguyên tắc công ty phải có lãi hoặc tối thiểu phải giữ lại một tỷ lệ phần trăm phù hợp để trang trải các khoản chi phí của công ty. Đơn giá nhận thầu và đơn giá nội bộ công ty là tài liệu kết hợp với giá thị trường tại từng thời điểm để tham khảo khi ký kết các hợp đồng giao cho thầu phụ, giá trị quyết toán, thanh lý, hóa đơn bán hàng của các nhà thầu phụ là cơ sở để hạch toán vào giá thành sản xuất của công ty, và là cơ sở để thanh toán tiền cho các nhà thầu phụ.

4. Phải định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của công ty nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.



B – Thanh toán chi phí:

1. Đối với các hợp đồng khoán gọn (HĐKG):

- Sau khi ký HĐKG giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc, tùy thuộc vào giá trị của HĐKG công ty sẽ tạm ứng cho đơn vị trực thuộc nhận khoán 1 tỷ lệ nhất định để chuẩn bị công tác thi công như sau:

- | | |
|---|--|
| + Với HĐKG có giá trị < 100 triệu: | Không tạm ứng |
| + Với HĐKG có giá trị từ 100 triệu đến dưới 1 tỷ: | Tạm ứng tối đa 20 % |
| + Với HĐKG có giá trị từ 1 tỷ đến dưới 10 tỷ: | Tạm ứng tối đa 10% |
| + Với HĐKG có giá trị trên 10 tỷ: | Tạm ứng tối đa 5% nhưng không quá 5 tỷ |

Trong trường hợp đặc biệt do công tác chuẩn bị thi công gấp, chưa làm kịp HĐKG thì phòng Tài chính - Kế toán công ty căn cứ vào giấy giao nhiệm vụ, Hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng và đề nghị ứng của đơn vị thi công được Giám đốc phê duyệt cho đơn vị thi công tạm ứng nhưng giá trị ứng không quá 5 tỷ đồng và không quá 5% giá trị hợp đồng kinh tế (HĐKT) công ty đã ký với khách hàng.

Các đơn vị chỉ được ứng tiếp tiền khi đã nộp chứng từ của các khoản tạm ứng lần trước (bao gồm giá trị tạm ứng lần đầu). Trong trường hợp đặc biệt phải có xác nhận bằng văn bản của khách hàng là khách hàng đã nhận tiền nhưng chưa giao chứng từ cho đơn vị.

- Căn cứ vào bảng tính lương hàng kỳ của các đơn vị đã được phê duyệt, công ty cho đơn vị trực thuộc tạm ứng tiền lương và đơn vị có trách nhiệm phát tận tay cho người lao động, sau khi phát lương xong chuyển toàn bộ bảng lương đã có chữ ký của người lao động (người nhận lương) về công ty hoàn ứng, trong trường hợp đặc biệt phòng Tài chính - Kế toán trực tiếp phát lương tận tay cho người lao động.

- Các chi phí khác của đơn vị nhận khoán được quy định như sau (không bao gồm chi phí tiền lương)

+ Trên cơ sở chứng từ hoàn ứng lũy kế của đơn vị thi công đã được phòng Tài chính - Kế toán và phòng Kinh tế Kỹ thuật kiểm tra theo từng khoản mục chi phí trong HĐKG. Công ty cho đơn vị ứng tối đa là 90% giá trị thi công, 10% giá trị còn lại khi có quyết toán HĐKG Công ty sẽ thanh toán dứt điểm cho đơn vị.

- Hiện tại công ty giao khoán cho các đơn vị trực thuộc là chi phí không có thuế VAT (chỉ giao khoán chi phí). Do đó mọi khoản VAT phát sinh theo hóa đơn chi phí mà đơn vị đã hoàn ứng với công ty, kế toán công ty sẽ hạch toán vào tài khoản phải trả cho đơn vị và đơn vị được công ty thanh toán khi cơ quan thuế kiểm tra chấp nhận hoàn khoản thuế đó cho công ty (khoảng 03 tháng). Nhưng trong mọi trường hợp, khi hóa đơn/VAT đó không được cơ quan thuế chấp thuận (kể cả kiểm tra sau hoàn) đơn vị trực thuộc phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những khoản thuế đó và những khoản chi phí, phạt có liên quan (nếu có).

2. Đối với các nhà thầu phụ, các nhà cung cấp vật tư, dụng cụ và cung cấp dịch vụ khác:

Căn cứ các nội dung của hợp đồng kinh tế nhận thầu, phòng Kinh tế - Kỹ thuật theo chức năng kết hợp với Phòng Tài chính - Kế toán thương thảo với bên B (Bên nhận thầu, khách hàng ký hợp đồng với Công ty) về giá cả, chất lượng, tiến độ và các điều khoản tạm ứng, thanh toán cho khách hàng khi tiến hành ký kết các hợp đồng thuê thầu phụ, xây lắp, mua bán vật tư, dụng cụ, các hợp đồng thuê dịch vụ khác. Mọi hàng hóa dịch vụ mua về phải được công ty nhập kho theo quy trình quản lý chất lượng của công ty.

Điều 21: Giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ tiêu thụ

1. Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá thành hàng hoá bán ra) bao gồm: giá thành sản phẩm, hàng hoá xuất tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hoá bán ra); chi phí quản lý công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

2. Chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ gồm chi phí dịch vụ phát sinh trong kỳ, chi phí quản lý công ty phát sinh trong kỳ, chi phí bán hàng, dịch vụ phát sinh trong kỳ.

3. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính .

MỤC 4 - LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 22: Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Phòng Tài chính - Kế toán có trách nhiệm hạch toán đầy đủ các khoản lợi nhuận của công ty theo quy định Nhà nước.

2. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:

a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ;

b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 23: Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).
2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế (nếu có)
3. Trả tiền phạt vi phạm pháp luật như: Luật thuế, luật giao thông, môi trường... Sau khi đã trừ tiền bồi thường của các cá nhân, tập thể gây ra (nếu có).
4. Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế (nếu có).
5. Trích lập các quỹ: Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ xác định tỷ lệ trích lập các quỹ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, bao gồm:
 - 5.1. Quỹ đầu tư và phát triển sản xuất;
 - 5.2. Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi;
 - 5.3. Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi;
 - 5.4. Quỹ dự phòng bảo hành sản phẩm công trình xây lắp;
 - 5.4. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật, luật thuế.
6. Chia cổ tức cho các cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng mức cổ tức trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 24: Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư và phát triển sản xuất được sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
2. Quỹ khen thưởng được dùng để:
 - a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong công ty;
 - b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong công ty;
 - c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

Mức thưởng theo quy định tại điểm a, b, c khoản này do Giám đốc quyết định. Riêng điểm a cần có ý kiến của Công đoàn công ty trước khi quyết định.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:
 - a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên công ty, phúc lợi xã hội;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn công ty.

Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả.

4. Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi dùng để :

a) Dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

b) Nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng không có khả năng thanh toán.

5. Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hoá công trình xây lắp dùng để :

Dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng doanh nghiệp vẫn tiếp tục phải sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Điều 25: Trả cổ tức

Cổ tức trả cho cổ đông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

MỤC 5 - KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 26: Kế hoạch tài chính

Căn cứ vào chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn tự có do Đại hội đồng cổ đông giao, Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh của công ty trình Hội đồng quản trị xem xét và báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch tài chính được thông qua Đại hội đồng cổ đông làm căn cứ giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty.

Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính của Công ty theo các hướng dẫn của Bộ tài chính và quy định của công ty.

Điều 27: Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính phải phản ánh toàn bộ tài sản, nguồn hình thành tài sản, doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1. Cuối kỳ kế toán, Giám đốc phải chỉ đạo các bộ phận liên quan lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Công ty phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.

2. Công ty thực hiện công khai tình hình tài chính theo quy định của Nhà nước.

3. Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của công ty theo quy định của pháp luật.

MỤC 6 - QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 28: Quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty theo Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định theo thẩm quyền các vấn đề sau đây:

Ngoài thẩm quyền quy định tại điều khoản 1 điều 28, Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây:

- a) Xây dựng, đề xuất tỷ lệ trích vào các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của công ty;
 - b) Ban hành quy chế nội bộ về quản lý tài chính công ty, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, các định mức chi phí tài chính và các định mức khác;
 - c) Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính hàng năm của công ty;
 - d) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.
3. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ; thực hiện việc công bố, công khai các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định;
4. Kiểm tra, giám sát Giám đốc trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu của đại hội đồng cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật.
5. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29: Nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm với các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước, người lao động, cổ đông và của công ty;
 - b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào;
 - c) Hàng năm phải báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của công ty cho Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm điều lệ công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức bồi thường.
3. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30: Quyền hạn của Giám đốc công ty

1. Là đại diện pháp luật của công ty, có quyền điều hành cao nhất trong việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động kinh doanh để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đề nghị với Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.

2. Nhận vốn do Hội đồng quản trị giao và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị việc bảo toàn và phát triển vốn hiện có tại công ty.

3. Quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài công ty, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng quản trị. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.

4. Xây dựng đề trình Hội đồng quản trị hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức Kinh tế - Kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

5. Xác định tỷ lệ trích các quỹ, báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 31: Nghĩa vụ và trách nhiệm của Giám đốc

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích Nhà nước, người lao động, cổ đông và của Công ty.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

3. Khi công ty không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho các chủ nợ biết và tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty, không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý công ty. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Nhà nước và công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường.

5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của công ty.

6. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho công ty.

7. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua báo cáo tài chính của Công ty. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

8. Hàng năm Giám đốc công ty phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của công ty gửi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ THỜI HẠN HIỆU LỰC

Điều 32: Tổ chức thực hiện

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 33: Thời hạn hiệu lực

Quy chế này gồm 03 chương, 33 điều và có hiệu lực từ ngày quyết định ban hành.

Trong quá trình thực hiện, Giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm tập hợp, báo cáo các vướng mắc trình Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGUYỄN DUY LỢI

C.P. 1

